

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 8 năm 2022

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; người nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hình thức, thời gian, thẩm quyền, quy trình phối hợp lập, thẩm định hồ sơ, xem xét, quyết định các biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; biện pháp cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.
2. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên.
3. Người hoàn thành cai nghiện ma túy trong thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy.
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác phối hợp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện.

Điều 3. Nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp

1. Tuân thủ quy định của Luật Phòng, chống ma túy; Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; quy trình, thẩm quyền và thành phần, thủ tục lập hồ sơ quản lý người sử dụng, áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người sử dụng trái phép chất ma túy; áp dụng biện pháp cai nghiện đối với người nghiện ma túy và biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có sự phân công, phân định trách nhiệm cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật. Đảm bảo nhanh chóng, đồng bộ, hiệu quả, chặt chẽ trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan, chính quyền cơ sở trong việc lập, kiểm tra hồ sơ, xem xét hồ sơ,

quyết định về quản lý người sử dụng, người nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

3. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng, người nghiện ma túy và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

4. Phối hợp trao đổi thông tin, thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo quy định.

5. Công tác phối hợp được thực hiện thông qua hình thức họp, hội ý, trao đổi qua điện thoại, văn bản, thẩm định hồ sơ và các hình thức phù hợp khác, đáp ứng nhanh chóng trong quá trình thực hiện các nội dung của quy chế này.

Điều 4. Xác định người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính.

2. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

a) Một người có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Tin báo, tố giác của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh, làm rõ;

- Thông tin, tài liệu trong các vụ vi phạm pháp luật;

- Người có biểu hiện mất năng lực nhận thức hoặc kiểm soát hành vi nghi do sử dụng ma túy;

- Trên người, phương tiện, nơi ở của người đó có dấu vết của chất ma túy hoặc dụng cụ, phương tiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người điều khiển phương tiện có biểu hiện sử dụng chất kích thích nghi là ma túy;

- Người có mặt tại các địa điểm có hành vi tổ chức, chứa chấp hoặc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không có lý do chính đáng;

- Người tự khai báo hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người bị phát hiện quả tang sử dụng trái phép chất ma túy;

- Những căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

b) Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý.

c) Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

3. Thẩm quyền xét nghiệm chất ma túy được quy định tại khoản 2, Điều 22 Luật Phòng, chống ma túy.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể thực hiện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.

Điều 5. Xác định tình trạng nghiện

1. Được quy định tại Điều 27 Luật phòng, chống ma túy.

2. Cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm:

- a) Các trạm y tế cấp xã;
- b) Các Trung tâm y tế cấp huyện;
- c) Bệnh viện tâm thần tỉnh Thừa Thiên Huế;
- d) Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;
- đ) Các cơ sở y tế khác do Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế quy định.

3. Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy là bác sỹ đã được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tâm thần hoặc đa khoa hoặc chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa y học cổ truyền. Trường hợp bác sỹ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hoặc chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa y học cổ truyền thì phải có chứng nhận đã hoàn thành khóa tập huấn về xác định tình trạng nghiện ma túy do cơ sở có chức năng đào tạo cấp.

Y sỹ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được cấp chứng chỉ về xác định tình trạng nghiện ma túy do cơ sở có chức năng đào tạo cấp trước ngày 01/01/2022, đang làm công việc xác định tình trạng nghiện ma túy được tiếp tục thực hiện việc xác định tình trạng nghiện ma túy.

4. Địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy

a) Người sử dụng trái phép chất ma túy tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy được lựa chọn cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy.

b) Địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy thực hiện một trong các địa điểm sau:

- Trường hợp bị tạm giữ hành chính thì thực hiện tại nơi tạm giữ. Nơi tạm giữ hành chính được quy định tại khoản 4 Điều 7 quy chế này.

- Trường hợp hợp tác, không cần tạm giữ hành chính, Cơ quan Công an đề nghị xác định tình trạng nghiện thống nhất với cơ sở y tế lựa chọn địa điểm phù hợp để tiến hành (tại trụ sở Công an xã, trụ sở y tế xã hoặc các địa điểm khác phù hợp đảm bảo an toàn trong quá trình xác định tình trạng nghiện).

Điều 6. Thời hạn và địa điểm tạm giữ người liên quan đến ma túy theo thủ tục hành chính

1. Các trường hợp tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

a) Để thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Để xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính để thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không quá 12 giờ; trong trường hợp cần thiết, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 24 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm; trường hợp tạm giữ người vi phạm hành chính ở khu vực biên giới hoặc vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ được tính từ thời điểm người vi phạm được áp giải đến nơi tạm giữ.

Đối với trường hợp tạm giữ để xác định tình trạng nghiện ma túy thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 05 ngày, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

3. Nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính là nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính được bố trí tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi làm việc của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ người vi phạm hành chính. Trường hợp không có nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính thì tạm giữ tại phòng trực ban hoặc phòng khác tại nơi làm việc, nhưng phải đảm bảo các quy định chung.

4. Trường hợp xác định tình trạng nghiện đối với người sử dụng trái phép chất ma túy thì nơi tạm giữ hành chính là khu vực lưu giữ tạm thời của Trung tâm Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (gọi tắt là Trung tâm Bảo trợ xã hội) tỉnh hoặc nhà tạm giữ, buồng tạm giữ hành chính.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy thực hiện theo quy định tại các Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 109/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy.

2. Đối với người bị rối loạn tâm thần do sử dụng trái phép chất ma túy thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đang điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh, Bệnh viện có trách nhiệm xác định tình trạng sử dụng hoặc tình trạng nghiện ma túy khi có yêu cầu và gửi phiếu xác định tình trạng sử dụng hoặc tình trạng nghiện ma túy khi có yêu cầu cho Công an cấp xã nơi người đó thường trú, tạm trú hoặc cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh để phối hợp quản lý, lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc lập hồ sơ cai nghiện ma túy.

3. Đối với người sử dụng ma túy dẫn đến rối loạn tâm thần và mất kiểm soát hành vi hoặc đang có hành vi nguy hiểm cho xã hội thì cơ quan Công an nơi người đó thường trú, tạm trú hoặc nơi người đó đang có hành vi nguy hiểm cho xã hội phối hợp với gia đình hoặc chính quyền địa phương đưa người đó đến Bệnh viện Tâm thần tỉnh để điều trị rối loạn tâm thần đến khi bệnh nhân ổn định; đồng thời, có văn bản đề nghị Bệnh viện xác định tình trạng nghiện và tiến hành lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện phù hợp theo quy định. Sau khi điều trị ổn định rối loạn tâm thần, Bệnh viện bàn giao lại cho địa phương nơi đã đưa đối tượng đến điều trị hoặc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh nếu là người không có nơi cư trú ổn định.

4. Đối với người nghiện ma túy đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, khi cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế phát hiện người đang tham gia điều trị tiếp tục sử dụng ma túy hoặc tự ý bỏ điều trị hoặc bị chấm dứt điều trị do vi phạm các quy định về điều trị thì cơ sở điều trị nghiện thông báo cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh để phối hợp quản lý và thông báo cho cơ quan Công an cấp xã nơi người đó thường trú hoặc tạm trú để áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngoài ra thường xuyên phối hợp với cơ quan Công an các cấp khi có yêu cầu xác minh tình trạng điều trị của người nghiện ma túy tại cơ sở điều trị.

5. Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm lưu giữ, quản lý, cắt con giải độc người không có nơi cư trú ổn định; Người có nơi cư trú ổn định nhưng gia đình từ chối quản lý hoặc trong thời gian gia đình quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để chờ làm thủ tục mà người bị đề nghị không chấp hành việc quản lý hoặc có dấu hiệu bỏ trốn hoặc tiếp tục sử dụng ma túy thì cơ quan lập hồ sơ ra quyết định đưa người nghiện ma túy đang trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào Trung tâm Bảo trợ xã hội để quản lý; tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy theo đề nghị của cơ quan lập hồ sơ và tiếp nhận người chưa thành niên liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định. Nếu trong thời gian này, người bị đề nghị có biểu hiện rối loạn tâm thần và hành

vi do sử dụng ma túy thì chuyển đến Bệnh viện Tâm thần tỉnh để điều trị. Sau khi điều trị ổn định, Trung tâm có trách nhiệm nhận lại người đó. Kinh phí điều trị người bị đề nghị xác định tình trạng nghiện do ngân sách Nhà nước trả theo quy định.

6. Tài liệu dùng làm căn cứ xác định tình trạng nghiện, bao gồm:

a) Hồ sơ bệnh án đang được lưu, giữ tại Bệnh viện tâm thần Huế, Trung tâm điều trị Methadone; bản tóm tắt lý lịch người được xác định tình trạng nghiện ma túy, bản khai, bản tường trình của người đang được lập hồ sơ xác định tình trạng nghiện thể hiện các triệu chứng cai theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; các tài liệu khác thể hiện người được lập hồ sơ xác định tình trạng nghiện phụ thuộc vào chất ma túy.

b) Khi được đề nghị, các cơ quan lưu, giữ các tài liệu dùng làm căn cứ xác định tình trạng nghiện có trách nhiệm sao y cho cơ quan lập hồ sơ xác định tình trạng nghiện để đưa vào hồ sơ, gửi cơ quan y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện;

c) Việc sử dụng các tài liệu được sao y phải bảo quản theo quy định của pháp luật, không để người không có trách nhiệm biết, ảnh hưởng đến công tác chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan, đơn vị liên quan; ảnh hưởng đến uy tín, danh dự người bệnh.

Điều 8. Xác định tình trạng cư trú.

1. Thực hiện theo pháp luật về cư trú để xác minh nội dung sau:

a) Xác định nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú;

b) Xác định nơi ở hiện tại, nếu nơi ở hiện tại không có địa chỉ cụ thể thì lấy địa chỉ là đơn vị cấp xã;

c) Thời gian đến sinh sống tại nơi ở hiện tại.

2. Xác định người có nơi cư trú ổn định, người không có nơi cư trú ổn định được quy định tại Điều 41, Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật phòng, chống ma túy;

3. Thời hạn xác minh tình trạng cư trú.

a) Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị có trách nhiệm xác minh nơi cư trú của đối tượng liên quan đến ma túy.

b) Đối với các địa bàn là vùng miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn xác minh nơi cư trú có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 10 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ.

Điều 9. Phương pháp lập hồ sơ đối với người vi phạm không hợp tác

1. Trường hợp người thuộc đối tượng phải tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể không hợp tác để thực hiện biện pháp xét nghiệm ma túy bằng nước tiểu hoặc nước bọt thì áp dụng biện pháp cưỡng chế thông tiểu và lấy nước bọt, nếu vẫn không thực hiện được thì chuyển sang biện pháp xét nghiệm máu.

2. Trường hợp người nghiện ma túy, người sử dụng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối hợp tác hoặc không thể hợp tác trong quá trình lập hồ sơ thì cơ quan chức năng tiến hành lập biên bản nêu rõ lý do, biên bản phải có xác nhận của người làm chứng hoặc tổ trưởng tổ dân phố, thôn trưởng và chữ ký của các cơ quan chức năng có liên quan và tiến hành lập hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Xác định độ tuổi của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị có trách nhiệm xác định độ tuổi của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Việc xác định độ tuổi căn cứ vào giấy khai sinh, Căn cước công dân của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, các quy định về pháp luật hộ tịch và phải được thể hiện bằng văn bản.

Chương II

QUY TRÌNH PHỐI HỢP THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

Mục 1

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

Điều 11. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Đối tượng bị quản lý là người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 23 của Luật Phòng, chống ma túy.

Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính.

2. Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định quản lý.

3. Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm:

a) Tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể;

c) Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xét nghiệm dương tính của người cư trú tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ra quyết định và tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương.

5. Thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều này mà cá nhân cố tình trốn tránh, cản trở việc thực hiện quyết định áp dụng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở.

Điều 12. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Thực hiện theo quy định tại các Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48 và Điều 49 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.

Mục 2

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐỐI VỚI NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TUÝ

Điều 13. Đối tượng, thời hiệu, thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Đối tượng và thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

Người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thì thời hiệu là 03 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối hành vi vi phạm này;

2. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 03 tháng đến 06 tháng

3. Không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nước ngoài.

4. Trong thời gian được quy định tại khoản 1 Điều này mà cá nhân cố tình trốn tránh, cản trở việc thực hiện quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở.

Điều 14. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ vi phạm pháp luật, cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh phát hiện người có hành vi sử dụng ma túy trái phép thì phối hợp và bàn giao cho cơ quan Công an cấp xã nơi người đó đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi phát hiện hành vi vi phạm hoặc nơi tiếp nhận người chưa thành niên liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, xác minh, thu thập tài liệu, tiến hành xác định tình trạng nghiện hoặc tình trạng sử dụng. Nếu người đó không nghiện và thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì Công an cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị áp dụng.

2. Cơ quan Công an cấp tỉnh và cơ quan Công an cấp huyện có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn cơ quan Công an cấp xã tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy do Trưởng Công an cấp xã tự lập hoặc trên cơ sở đề nghị của những người sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở;

b) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người vi phạm đang làm việc hoặc học tập;

c) Đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở gồm: Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc và các đơn vị tương đương.

4. Sau khi xem xét các tài liệu xác định đủ căn cứ để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì Công an cấp xã nơi người đó đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi phát hiện hành vi vi phạm hoặc nơi tiếp nhận người chưa thành niên liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định tiến hành lập hồ sơ và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Thời hạn cơ quan Công an lập hồ sơ là 07 ngày làm việc kể từ khi phát hiện người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

5. Trình tự thủ tục lập hồ sơ được thực hiện theo Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Chương III
QUY TRÌNH PHỐI HỢP THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP
LUẬT VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CAI NGHIỆN MA TÚY

Mục 1
CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

Điều 15. Đối tượng áp dụng

Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên đăng ký cai nghiện tự nguyện.

Điều 16. Trình tự thực hiện phối hợp lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện tự nguyện

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác định nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền, người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên (sau đây gọi tắt là người nghiện ma túy) phải đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Trường hợp, người không có nơi cư trú ổn định thì đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và thực hiện việc cai nghiện tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện

Giao cơ quan Công an cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình; cộng đồng nơi người đó cư trú và hồ sơ người không có nơi cư trú ổn định đăng ký. Người nghiện ma túy, người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều 28 Nghị định 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân để đối chiếu.

Điều 18. Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện, đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thẩm định hồ sơ đăng ký cai nghiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

2. Trường hợp người không có nơi cư trú ổn định đăng ký cai nghiện tự nguyện; trong thời hạn 12 giờ, Trưởng Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật phải hoàn thành hồ sơ và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cùng cấp ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện, đồng thời tổ chức đưa người nghiện đến Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh để thi hành quyết định cai nghiện tự nguyện.

3. Người được phân công theo dõi việc thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

a) Tại gia đình, cộng đồng là Cảnh sát khu vực.

b) Tại cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế là cán bộ theo dõi việc điều trị.

4. Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

Khi kết thúc thời hạn cai nghiện tự nguyện, người được phân công theo dõi, quản lý người cai nghiện đánh giá kết quả cai nghiện tự nguyện và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

5. Khi hoàn thành liệu trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người được phân công theo dõi, quản lý người cai nghiện đánh giá kết quả cai nghiện tự nguyện và đề xuất Giám đốc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình cai nghiện.

Điều 19. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

1. Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện cho người cai nghiện ma túy.

Mục 2

LẬP HỒ SƠ CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC

Điều 20. Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xác định là nghiện ma túy mà không đăng ký cai nghiện tự nguyện, không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (đối với người nghiện các chất dạng thuốc phiện), trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng (được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày ngày 21 tháng

12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định cai nghiện tự nguyện hoặc quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế mà không chấp hành, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng (được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 116/2021/NĐ-CP);

c) Tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

d) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

đ) Bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện;

e) Trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị xác định tình trạng nghiện là có nghiện.

Điều 21. Đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

1. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xác định là nghiện ma túy mà không đăng ký cai nghiện tự nguyện, cũng không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện (với người nghiện các chất dạng thuốc phiện), trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng (được quy định tại khoản 3, Điều 3, Nghị định 116/2021/NĐ-CP);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định cai nghiện tự nguyện hoặc quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế mà không chấp hành, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng (quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 116/2021/NĐ-CP);

c) Tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

d) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

đ) Bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

2. Thời hạn cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

3. Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính.

Điều 22. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan Công an tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp cá nhân, tổ chức phát hiện thì thông báo cho cơ quan Công an cấp xã nơi người có hành vi vi phạm để lập biên bản và xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì các cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định.

3. Đối với người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cần có ý kiến bằng văn bản của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp và có phương án quản lý đối với từng trường hợp cụ thể để bảo đảm các quyền của trẻ em trong thời gian cai nghiện ma túy.

Điều 23. Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Công an cấp tỉnh;
2. Công an cấp huyện;
3. Công an cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập hồ sơ.

Điều 24. Quản lý người vi phạm trong thời gian chờ làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Tổ chức quản lý người có nơi cư trú ổn định:

a) Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan ra quyết định về việc giao cho gia đình quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh và Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ cấp xã; Tổ công tác cai nghiện ma túy xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ phối hợp với gia đình để quản lý giáo dục người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Nếu gia đình không đồng ý quản lý hoặc trong thời gian gia đình quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

đề chờ làm thủ tục mà người bị đề nghị không chấp hành việc quản lý hoặc có dấu biểu bỏ trốn hoặc tiếp tục sử dụng ma túy thì cơ quan lập hồ sơ ra quyết định đưa người nghiện ma túy đang trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh để quản lý.

2. Người nghiện ma túy “không có nơi cư trú ổn định” trong thời gian chờ lập hồ sơ xem xét quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan lập hồ sơ ra quyết định về việc giao cho Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh để quản lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (kể cả ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật).

3. Chế độ ăn, ở, sinh hoạt, hỗ trợ y tế đối với người vi phạm trong thời gian chờ làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế như đối tượng cai nghiện bắt buộc.

Điều 25. Thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, kèm 01 bản sao bộ hồ sơ gửi cho người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ:

a) Công an cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị kèm hồ sơ cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm; Công an cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi văn bản đề nghị kèm hồ sơ cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đề nghị.

b) Hồ sơ đề nghị phải đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, bản sao lưu tại cơ quan lập hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 26. Kiểm tra tính pháp lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.

1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung theo quy định; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 27. Xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Sau khi nhận được hồ sơ do Trưởng phòng Lao động- Thương binh và Xã hội đề nghị, Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét hồ sơ theo quy định của pháp luật:

a) Những trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý và mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;

b) Xem xét ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện đang quản lý tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh trong thời gian chờ lập hồ sơ, kiểm tra, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Tòa án mở phiên họp tại khu vực hành chính của Trung tâm;

c) Giám đốc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh có trách nhiệm đảm bảo vật chất, lực lượng bảo vệ; đảm bảo an ninh trật tự cho hoạt động Tòa án và những người tham gia trong quá trình tổ chức phiên họp;

d) Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tòa án, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

2. Thời gian Tòa án xem xét quyết định: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đến khi tổ chức phiên họp. Đối với các vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

3. Những người mà Tòa án quyết định không thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc thuộc diện hoãn, miễn thi hành quyết định của Tòa án thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận lại đối tượng và tổ chức giáo dục, cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo quy định.

Điều 28. Đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Trường hợp người nghiện ma túy không chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan Công an cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật để đưa người phải chấp hành đến cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cơ sở cai nghiện không còn khả năng tiếp nhận đối tượng thì thời hạn được phép kéo dài không quá 03 tháng. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định biết và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thì cơ quan Công an cấp huyện nơi Tòa án quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm.

5. Đối với trường hợp người nghiện “không có nơi cư trú ổn định” đang bị quản lý tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh sau khi có quyết định của Tòa án thì giao cho Trung tâm phối hợp với cơ quan Công an cấp huyện và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi lập hồ sơ thi hành quyết định của Tòa án.

Chương IV**LẬP HỒ SƠ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI NƠI CƯ TRÚ****Điều 29. Lập hồ sơ, thủ tục đề nghị quản lý sau cai nghiện ma túy**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày người nghiện ma túy trình báo về việc hoàn thành cai nghiện tự nguyện, hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện ma túy cư trú hoặc nơi phát hiện hành vi vi phạm (đối với người nghiện không có nơi cư trú ổn định) lập hồ sơ, đưa vào danh sách quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Công an cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập hồ sơ quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

3. Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; Cơ sở điều trị các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế có trách nhiệm gửi giấy xác nhận hoàn thành hoặc chấp hành xong biện pháp cai nghiện cho Công an cấp xã nơi người đó cư trú và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh để phối hợp quản lý và áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 30. Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trưởng cơ quan Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

2. Quyết định phải gửi cho người sau cai nghiện hoặc đại diện gia đình người sau cai nghiện, người đại diện theo pháp luật đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, Trưởng Công an cấp xã, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã.

3. Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức xét nghiệm chất ma túy đối với người sau cai nghiện ma túy.

4. Người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định.

5. Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan

1. Công an tỉnh:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan và chỉ đạo lực lượng Công an các cấp tiến hành rà soát thống kê quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, lập hồ sơ xác định tình trạng nghiện, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Chỉ đạo Công an cấp huyện, cấp xã phối hợp với các ngành chức năng giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện bắt buộc;

c) Chỉ đạo cơ quan Công an cấp huyện chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp tổ chức đưa người đã có quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc vào cai nghiện tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh;

d) Hướng dẫn sử dụng các loại trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho cán bộ theo đề nghị của Trung tâm Bảo trợ xã hội thuộc tỉnh;

đ) Hỗ trợ lực lượng bảo vệ an ninh trật tự, phối hợp với các ngành chức năng bảo đảm an toàn, xử lý các tình huống xấu liên quan an ninh, trật tự xảy ra tại Trung tâm trong quá trình xác định tình trạng nghiện;

e) Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xử lý người cai nghiện ma túy tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh, người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đang được quản lý có hành vi vi phạm pháp luật;

g) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương xây dựng biểu mẫu, thống nhất báo cáo kết quả công tác giáo dục người nghiện tại xã, phường, thị trấn; rà soát, thống kê, phân loại người nghiện, bảo đảm quản lý hồ sơ người nghiện chính xác, khách quan.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chỉ đạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh tổ chức tốt công tác tiếp nhận và quản lý, điều trị cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy đăng ký cai nghiện tự nguyện; người nghiện ma túy trong thời gian tiến hành thủ tục lập hồ sơ chờ Tòa án xem xét, quyết định; tiếp nhận, xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người tự nguyện hoặc bị đề nghị xác định tình trạng nghiện thuộc trường hợp không có nơi cư trú ổn định mà Trung tâm hoặc cơ sở cai nghiện đang quản lý;

b) Định kỳ 06 tháng, một năm tổng hợp báo cáo và đề xuất giải quyết những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này với Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ động trao đổi, đề nghị Sở Y tế bố trí luân phiên đội ngũ y, bác sỹ hỗ trợ công tác xác định tình trạng nghiện, điều trị cắt cơn, giải độc đối với người nghiện ma túy;

d) Phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết;

đ) Chỉ đạo ngành dọc tham mưu, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy chế này.

3. Sở Y tế:

a) Hướng dẫn thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy, tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tập huấn về chẩn đoán và điều trị nghiện ma túy cho người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định;

b) Tập huấn kiến thức về điều trị cắt cơn nghiện ma túy cho y sỹ, bác sỹ tại các cơ sở y tế và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh. Xem xét cấp chứng chỉ hành nghề khám, bệnh chữa bệnh theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh để đủ điều kiện xác định nghiện theo quy định hiện hành;

c) Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Trung tâm Bảo trợ xã hội bố trí đội ngũ y bác sỹ luân phiên để hỗ trợ Trung tâm Bảo trợ xã hội trong công tác xác định tình trạng nghiện, hỗ trợ công tác điều trị cắt cơn nghiện ma túy và các vấn đề khác liên quan sức khỏe người nghiện, người đang được xác định tình trạng nghiện, người đang được lập hồ sơ đưa vào cai nghiện bắt buộc;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế có thẩm quyền trong việc xác định tình trạng nghiện.

4. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu ban hành chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu, tổ chức bộ máy và bố trí đủ số lượng người làm việc cho Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; tham mưu ban hành cơ chế, chính sách để thu hút đội ngũ y, bác sỹ vào làm việc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

Chỉ đạo lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy và các Đồn Biên phòng khi phát hiện người có hành vi sử dụng ma túy trái phép hoặc có dấu hiệu nghiện ma túy trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ vi phạm pháp luật thì lập biên bản, thông báo và bàn giao cho cơ quan Công an xã, phường, thị trấn nơi người vi phạm cư trú hoặc cơ quan Công an nơi Đồn Biên phòng đóng trụ sở đối với trường hợp người vi phạm không có nơi cư trú ổn định.

6. Sở Tài chính:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy; Công tác tập huấn cho bác sỹ thực hiện công tác xác định tình trạng nghiện trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh tham mưu cho UBND, HĐND tỉnh chế độ, chính sách về công tác cai nghiện nói chung, xác định tình trạng nghiện, lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

a) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy các huyện, thị xã, thành phố và các xã phường, thị trấn trên địa bàn;

b) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan phối hợp trong việc thực hiện các nội dung của Quy chế này;

c) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Tiếp tục củng cố, kiện toàn các Tổ công tác cai nghiện theo quy định của pháp luật. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí cho các lực lượng ở cấp xã trong việc lập hồ sơ xác định tình trạng nghiện và lập hồ sơ quản lý người sử dụng; giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hồ sơ quản lý sau cai nghiện ma túy; tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm tại Quy chế này;

b) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về ma túy theo Quy chế này; thống kê, cập nhật thường xuyên phần mềm quản lý người nghiện trên địa bàn theo quy định.

Điều 32. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể có liên quan phối hợp thực hiện

1. Tòa án nhân dân tỉnh phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đẩy nhanh tiến độ trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thẩm định hồ sơ và xử lý các trường hợp còn vướng mắc về hồ sơ, thủ tục xét xử đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh, Tỉnh Đoàn và các hội, đoàn thể trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh việc vận động người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy và thân nhân gia đình tự giác khai báo tình trạng nghiện, tình trạng sử dụng trái phép chất ma túy và tự nguyện đăng ký hình thức cai nghiện, tuân thủ các quy định về quản lý người sử dụng, chấm dứt việc sử dụng trái phép chất ma túy đồng thời tích cực phối hợp triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 33. Chế độ kiểm tra, hướng dẫn; thông tin, báo cáo

Định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, quý, năm, các sở, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Quy chế này về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy chế này; tập hợp các khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.